TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 11 - 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Minh Hoàng.

Ông Lê Minh Luân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 329/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 10 năm 2019, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 258/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1986 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Vũ E, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/10/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân, vào năm 2002 bà (Nguyễn Thị T) và ông Huỳnh Vũ E xác lập quan hệ vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Vũ E. Về con chung có 02 người tên là Huỳnh Chí L (giới tính nam), sinh

ngày 06/5/2002 và Huỳnh Như X (giới tính nữ), sinh ngày 10/7/2008 hiện đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cả 02 người con chung, không yêu cầu ông Huỳnh Vũ E cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Huỳnh Vũ E đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Huỳnh Vũ E nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Huỳnh Vũ E vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[2]. Xét về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T xác định vào năm 2002, bà và ông Huỳnh Vũ E xác lập quan hệ vợ chồng đến nay không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Mục đích hôn nhân không đạt được mặc dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Vũ E. Ông Huỳnh Vũ E đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai chứng cứ để Tòa án xem xét cho thấy ông Huỳnh Vũ E không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Vũ E vi phạm quy định về đăng ký kết hôn. Căn cứ vào các điều 9, 14 và 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Vũ E không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Vũ E không được công nhận là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị T xác định giữa bà và ông Huỳnh Vũ E có 02 người con chung tên là Huỳnh Chí L (giới tính nam), sinh ngày 06/5/2002 và Huỳnh Như X (giới tính nữ), sinh ngày 10/7/2008. Hiện con chung do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu ông Huỳnh Vũ E cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy việc yêu cầu nuôi con của bà Nguyễn Thị T phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của những người con chưa thành niên do đó có cơ sở chấp nhận. Bà Nguyễn Thị T yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông Huỳnh Vũ E cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T nên có cơ sở để ghi nhận. Ông Huỳnh Vũ E có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 9, 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Vũ E là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị T chịu trách nhiệm nuôi dưỡng Huỳnh Chí L (giới tính nam), sinh ngày 06/5/2002 và Huỳnh Như X (giới tính nữ), sinh ngày 10/7/2008 cho đến khi Huỳnh Chí L và Huỳnh Như X đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống. Ông Huỳnh Vũ E không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T về việc không yêu cầu ông Huỳnh Vũ E cấp dưỡng nuôi con.

Ông Huỳnh Vũ E có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu tự thỏa thuận, không có yêu cầu nên không đặt ra xử lý.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T xác định không có, đồng thời không có yêu cầu nên không đặt ra xử lý.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị T đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019518 ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND H.Phú Tân;*
- *Phòng KT-NV & THA (Tòa án tỉnh);*
- *Chi cục THADS H.Phú Tân (khi án có hiệu lực);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Phước